

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/7/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiệp

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-DS, ngày 20/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 11/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Danh Thị Cẩm T**, sinh năm 1994.(Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Dù Tho, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Phan Thanh T**, sinh năm 1986.(Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Dù Tho, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 9/2/2022, nguyên đơn bà Danh Thị Cẩm T Thu trình bày:*

Bà T và ông T kết hôn vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn ngày tại UBND xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc công do bất đồng ý kiến. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phan Thanh H, sinh ngày 24/3/2015 và Phan Thanh X, sinh ngày 7/4/2017, hiện cháu H đang sống với ông T còn cháu X đang sống chung với bà T. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T. Về con chung bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên X còn cháu H bà T thống nhất để ông T nuôi

dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2022 bị đơn ông T trình bày:

Ông thừa nhận về thời gian, thủ tục kết hôn cũng như về con chung, tài sản chung, nợ chung đều đúng như bà T đã trình bày. Nay bà T xin ly hôn ông T cũng đồng ý ly hôn. Về con chung ông T đồng ý để bà T được nuôi dưỡng con chung tên X còn cháu H ông sẽ nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, về nợ chung không có. Về tài sản chung ông T yêu cầu bà T trả lại cho ông 01 chiếc nhẫn cưới 0,4 chỉ vàng 18k mà khi cưới ông cho bà T, các tài sản khác ông không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân xử cho bà T được ly hôn với ông T, về con chung giao cho bà T được nuôi dưỡng con chung tên là Phan Thanh X, sinh ngày 7/4/2017 cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi, ông T được nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Thanh H, sinh ngày 24/3/2015 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông T và bà T không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung, không xem xét giải quyết đối với yêu cầu của ông T đòi bà T phải trả lại 01 nhẫn cưới có trọng lượng 0,4 chỉ vàng 18k, về nợ chung: Không có nên nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

- Về hôn nhân:

Bà Danh Thị Cẩm T và ông Phan Thanh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2015 và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và sống không hạnh phúc. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không hàn gắn lại được.

Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông T và bà T không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, ông T và bà T đã có với nhau có 02 con chung tên Phan Thanh H, sinh ngày 24/3/2015 và Phan Thanh X, sinh ngày 7/4/2017, hiện cháu H đang sống với ông T còn cháu X đang sống chung với bà T. Nay về con chung bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu X, bà T thống nhất để cháu H cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu X còn nhỏ, từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì cháu X sống chung với bà T, do đó cần tiếp tục để cháu X được sống chung với mẹ và giao cháu X cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu X đủ 18 tuổi là phù hợp, riêng cháu H thì đang sống với ông T, hiện nay cháu H đã trên 7 tuổi nhưng do ông T không hợp tác nên Tòa án không thể lấy lời khai của cháu H được, phía ông T cũng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, bà T cũng đồng ý giao cháu H cho ông T, vì vậy cần giao cháu H cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom chăm sóc con cho ông T và bà T không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Nguyên đơn bà T không yêu cầu nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét, giải quyết. Phía bị đơn ông T có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải giao trả lại cho ông T 01 chiếc nhẫn cưới khoảng 0,4 chỉ vàng 18k, chiếc nhẫn này ông T cho bà T trong ngày cưới. Tuy nhiên do ông T không thực hiện việc làm đơn yêu cầu phản tố cũng như không đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định vì vậy HĐXX không xét xét giải quyết đối với yêu cầu này của bị đơn.

- *Về nợ chung*: Không có

+ *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên đã nêu là có căn cứ và phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị Cẩm T.

- Về hôn nhân: Bà Danh Thị Cẩm T được ly hôn với ông Phan Thanh T.

- Về con chung: Bà T được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Thanh X, sinh ngày 7/4/2017 cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi, ông T được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Thanh H, sinh ngày 24/3/2015 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông T và bà T không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét, yêu cầu giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Danh Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0009873, ngày 25/2/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- Tòa án tỉnh ST;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải

